

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2025
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Biển

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Vỹ
2. Bà Nông Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H – sinh năm 1990

Căn cước công dân: 004190000820, cấp ngày 13/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

HKTT: Nhà Tậu, xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ở hiện nay: Nhà Pá, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Nông Mạnh C – sinh năm 1984

Căn cước công dân: 004084000759 cấp ngày 20/12/2024; Nơi cấp: Bộ C1.

Nơi cư trú: N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh C xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xã Đ, tỉnh Cao Bằng) vào ngày 27/10/2015. Sau khi kết hôn chị H và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc tại N - Đ - Cao Bằng nhưng đến khoảng năm 2021 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, hay cãi cọ do lối sống, tính tình không hợp, không thống nhất được việc làm ăn. Trong thời gian chị H đi làm công ty, anh C ghen tuông vô cớ, nhắn tin gọi điện mắng chửi chị. Do con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng. Đến tháng 5 năm 2025 do vợ chồng không thống nhất được chi phí trang trải gia đình nên anh C tiếp tục nhắn tin mắng chửi và nói sẽ làm thủ tục ly hôn với chị. Do mâu thuẫn kìm nén đã lâu, không chịu đựng thêm nữa nên chị đã thu dọn đồ dùng cá nhân và đưa con riêng của chị (sống ở nhà anh C) đi về nhà mẹ đẻ tại xã Đ. Thời điểm chị dọn đồ anh C có mặt nhưng không có động thái, lời nói nào để hàn gắn tình cảm. Từ đó về sau anh C cũng chưa chủ động liên hệ hòa giải với chị. Nay xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nông Mạnh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nông Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2016 (giới tính nam) hiện sống cùng anh C. Khi ly hôn chị H đề nghị anh Nông Mạnh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con đến khi con đủ 18 tuổi, chị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn Nông Mạnh C trình bày: Anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ nay là xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, cùng nhau làm ăn sinh sống tại xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. Trong thời gian vợ chồng chung sống chưa xảy ra xung đột, đánh đập, không có mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 7/2024 vợ đi làm công ty ở Bắc Giang khoảng 02-3 tháng mới về nhà một lần và có gọi điện về cho con. Trong quá trình vợ đi làm, anh cũng có lúc nhắn tin nói hơi quá nhưng không có sự việc đánh đập. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, khi vợ nộp đơn ly hôn anh hoàn toàn không biết. Từ khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ, anh chưa chủ động gặp mặt, liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể hàn gắn được, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nông Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2016 (giới tính nam) hiện sống cùng anh. Khi ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con đến khi con đủ 18 tuổi, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Bế Ngọc S trưởng xóm N, xã Đ, tỉnh Cao Bằng cho biết: Trong quá trình chung sống chị H và anh C chung sống hòa thuận, anh C không có hành vi bạo lực với chị H. Chị H là người hiền lành, chăm chỉ, phụ giúp gia đình phát triển kinh tế. Mâu thuẫn của vợ chồng là do anh C thường xuyên nhắn tin xúc phạm chị H. Sau đó một thời gian chị H về nhà anh C thu dọn đồ dùng và đón con riêng về nhà mẹ đẻ. Thời điểm chị H dọn đồ đi cũng không thấy anh C báo để Ban công tác mặt trận xóm đến hòa giải. Từ trước đến nay anh C chưa nhờ chính quyền xóm hòa giải lần nào. Vợ chồng anh C có 01 con chung là Nông Tiến Đ đang sống cùng anh C tại N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

Bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nông Mạnh C.

+ Về con chung: Giao cháu Nông Tiến Đ cho anh Nông Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên chị H không yêu cầu được miễn. Do đó, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nông Mạnh C trú tại N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xã Đ, tỉnh Cao Bằng) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Nông Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nông Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã Đ), tỉnh Cao Bằng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2015 quyển số 01 ngày 27/10/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng có nghĩa vụ phải chung sống với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã về vấn đề kinh tế dẫn đến tình cảm rạn nứt. Nguyên nhân do anh Nông Mạnh C hay ghen tuông thường xuyên nhảm nhí tin tức phạm chị H, anh C không có chí tiến thủ phát triển kinh tế. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Tòa án đã cho các bên đương sự thời gian cũng như cơ hội để hòa giải, khắc phục mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng còn có khả năng khắc phục, mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con. Bản thân anh C là người đề nghị đoàn tụ nhưng không chủ động liên lạc và có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh C cũng không chấp hành quy định của pháp luật về việc triệu tập cũng như đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tham gia hòa giải, xét xử. Điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn thể hiện anh Nông Mạnh C không còn tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng có ý thức bỏ mặc hôn nhân tan vỡ. Từ khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ, anh C cũng không có biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân. Do đó, có đủ căn cứ để xác định đến thời điểm

hiện tại vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn với anh Nông Mạnh C là có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Mạnh C có 01 con chung là Nông Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2016. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chưa thành niên theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cháu Đ có nguyện vọng được sinh sống cùng với bố, được bố trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C và chị H đều có ý kiến cho anh C được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu Đ hiện đang sinh sống cùng anh C được anh C trực tiếp nuôi dưỡng, xét điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con, quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Đ cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu nên cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị H đều có ý kiến sau khi ly hôn chị H cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng: Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của hai bên đương sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung chưa thành niên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự cùng xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nông Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Tiến Đ sinh ngày 10/11/2016 cho anh Nông Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ, phương thức cấp dưỡng được đóng góp theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung chưa thành niên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị

Nguyễn Thị H phải nộp là 600.000 đồng nhưng được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002125 ngày 17/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng (nay là Phòng Thi hành án dân khu vực 2 – Cao Bằng). Chị H phải nộp tiếp án phí 300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND KV2;
- Phòng THADS KV 2;
- UBND xã Đông Khê;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nông Thị Biển